



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



VILAS 746

Số:03/KQ

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

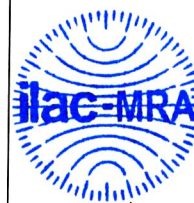
I./ THÔNG TIN MẪU

Stt	Ký Hiệu	Địa điểm lấy mẫu	Loại mẫu	Người lấy mẫu	Ngày giờ lấy mẫu	Người phân tích
1	09M ₁ 01/17	Nhà máy bia Phú Yên	Nước sau khi xử lý	Võ Bá Duy Huân	16/01/2017 9g30-9g45	Trần Quang Vinh
2	10B09/17	Bể chứa NMN Vũng Rô		Trần Quang Vinh	16/01/2017 9g30-9g45	
3	10M ₁ 09/17	Cảng cá Vũng Rô			16/01/2017 9g45-10g15	
4	11M ₁ 01/17	Công ty bia Sài Gòn		Nguyễn Thị Cẩm Tú	16/01/2017 8g30-8g45	Phạm Thị Luyện
5	11M ₂ 01/17	77 Nguyễn Tất Thành			16/01/2017 9g00-9g15	
6	11M ₃ 01/17	118 ^A Lê Trung Kiên			16/01/2017 9g30-9g45	
7	12B01/17	Bể chứa NMN Tuy Hòa		Phạm Thị Luyện	16/01/2017 8g00-8g15	Nguyễn Thị Cẩm Tú



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



VILAS 746

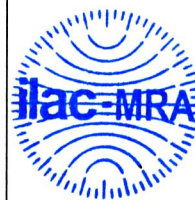
II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				09M ₁ 01/17	10B09/17	10M ₁ 09/17	11M ₁ 01/17
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996		KPH		
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6.84	7.38	7.35	7.18
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1.11	0.94	0.98	1.37
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	KPH (LOD=0.019)	KPH (LOD=0.019)	KPH (LOD=0.019)	KPH (LOD=0.019)
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	15.16	12.46	12.80	15.16
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	42.88	13.78	13.27	42.88
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0.0026)	KPH (LOD=0.0026)	KPH (LOD=0.0026)	KPH (LOD=0.0026)
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	13.30	6.10	6.00	13.40
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	Không
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	0.85	0.25	0.25	1.05
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	5.7	1.7	3.0	6.5
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.01	0.01	0.01	0.01
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.26	0.39	0.45	0.39
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0.0045)	KPH (LOD=0.0045)	KPH (LOD=0.0045)	KPH (LOD=0.0045)
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:201	KPH (LOD=0.3765)	0.44	KPH (LOD=0.3765)	KPH (LOD=0.3765)



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC PHÚ YÊN



VILAS 746

II./KẾT QUẢ MẪU

Stt	Tên Chỉ tiêu	QCVN01: 2009/BYT	Phương pháp phân tích	Ký Hiệu Mẫu			
				11M ₂ 01/17	11M ₃ 01/17	12B01/17	
1	Coliform(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
2	E. Coli(MPN/100ml)	0	TCVN6187-2:1996			KPH	
3	pH	6,5-8,5	TCVN6492:2011	6.85	6.83	6.81	
4	Độ đục(NTU)	2	TCVN6184:2008	1.45	1.26	1.05	
5	Sắt tổng(mg/l)	0.3	TCVN6177:1996	KPH (LOD=0.019)	KPH (LOD=0.019)	KPH (LOD=0.019)	
6	Clorua(mg/l)	250	TCVN6194:1996	15.49	14.82	15.16	
7	Độ cứng(mg/l)	300	TCVN6224:1996	43.39	43.90	43.39	
8	Nitrit(mg/l)	3	TCVN6178:1996	KPH (LOD=0.0026)	KPH (LOD=0.0026)	KPH (LOD=0.0026)	
9	Màu sắc(mg/l Pt)	15	TCVN6185:2008	11.60	11.70	14.70	
10	Mùi vị ^(*)	Không mùi, vị lạ	APHA	Không	Không	Không	
11	Nitrat(mg/l)	50	TCVN7323-1:2004	1.00	1.00	1.00	
12	Sulfat(mg/l)	250	EPA 375.4	6.1	6.3	6.0	
13	Mangan(mg/l)	0.3	TCVN6002:1995	0.01	0.01	0.01	
14	Chỉ số Permanganat(mg/l)	2	TCVN6886:1996	0.32	0.26	0.32	
15	Amoni(mg/l)	3	TCVN6179-1:1996	KPH (LOD=0.0045)	KPH (LOD=0.0045)	KPH (LOD=0.0045)	
16	Clo Tổng số (mg/l)	0.5	TCVN 6225-3:2011	KPH (LOD=0,3765)	KPH (LOD=0,3765)	0.44	

Ghi chú: (*) là chỉ tiêu chưa được Vilas công nhận, KPH : Không phát hiện



Phòng Kỹ Thuật

Nguyễn Văn Bình

Tuy Hòa, ngày 23 tháng 01 năm 2017

Bộ Phận Hóa nghiệm

Võ Bá Duy Huân

Võ Bá Duy Huân

BM.KT.02.02

24/06/2014

Trang 3/3